CÁCH HỎI GIỜ

What time is it?
Bây giờ là mấy giờ?

Could you tell me the time, please?
Bạn có thể cho tôi biết bây giờ là mấy giờ được không?

Would you mind telling me what time it is?
Bạn có phiền cho tôi biết bây giờ là mấy giờ không?

Do you have the time?
Bạn có biết bây giờ là mấy giờ không?

LIVEWORKSHEETS

NÓI GIỜ ĐÚNG

SỐ GIỜ + O'CLOCK

- 6:00 => **six o'clock** - *Sáu giờ đúng.*
- 8:00 => **eight o'clock** - *Tám giờ đúng.*
- **It's 10 o'clock** - *Bây giờ là 10 giờ.*
- **It's 5 o'clock** - *Bây giờ là 5 giờ.*

Học viện đào tạo tiếng Anh và kỹ năng mềm Megastar

LIVEWORKSHEETS

NÓI GIỜ KÉM

SỐ PHÚT + TO + SỐ GIỜ

- **It's ten to five** - *5 giờ kém 10 phút.*
- **It's five to eight** - *8 giờ kém 5 phút.*
- **It's twenty to three** - *3 giờ kém 20 phút.*

Học viện đào tạo tiếng Anh và kỹ năng mềm Megastar

LIVEWORKSHEETS

NÓI GIỜ HƠN

SỐ PHÚT + PAST + SỐ GIỜ

- **It's five past nine** - *9 giờ 5 phút.*
- **It's twenty past seven** - *7 giờ 20 phút.*
- **It's ten past four** - *4 giờ 10 phút.*

LIVEWORKSHEETS

CÁCH DIỄN ĐẠT CHUNG

SỐ GIỜ + SỐ PHÚT

- 2:48 => **two forty-eight** - *Hai giờ bốn mươi tám phút.*
- 1:45 => **one forty-five** - *Một giờ bốn mươi lăm phút.*
- **It's 7:30** - *Bây giờ là 7 giờ 30 phút.*

Học viện đào tạo tiếng Anh và kỹ năng mềm Megastar

LIVEWORKSHEETS

TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

_____

QUARTER = 15 PHÚT

- **It's (a) quarter past eight** - 8 giờ 15 phút.
- **It's (a) quarter to seven** - 7 giờ kém 15 phút.

HALF PAST = 30 PHÚT

- **It's half past nine** - 9 giờ 30 phút.
- **It's half past eight** - 8 giờ 30 phút.

Học viện đào tạo tiếng Anh và kỹ năng mềm Megastar

LIVEWORKSHEETS